TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ C** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 28/3/2025
Về việc "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Công

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Văn Hoạt

Bà Nguyễn Thị Minh

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Hoài Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C: Ông Lê Quang Khải - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 14/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2025 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trương Thị Thanh N, sinh năm: 1977. Nơi cư trú: 1683 HV, tổ dân phố PT, phường CP, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. Chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố LA, phường CL, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Có mặt)

- Bị đơn: Ông Lê A, sinh năm: 1970. Nơi cư trú: 1683 HV, tổ dân phố PT, phường CP, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 09/12/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trương Thị Thanh N trình bày:*

- Về hôn nhân: Bà và ông Lê A tự nguyện tìm hiểu chung sống với nhau và được Ủy ban nhân dân phường CP, thành phố C cấp giấy chứng nhận kết hôn số 44, quyển số 01 ngày 04/7/2002.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó ông bà sống không hợp nhau, nhiều khi ông A còn bạo lực gia đình. Bà nhận thấy tình cảm gia đình không còn, không tôn trọng nhau giữa vợ chồng, tình trạng càng ngày càng trở nên trầm trọng, không thể kéo dài thêm cuộc hôn nhân này nữa chỉ làm khổ cho nhau và không đem lại hạnh phúc. Do đó, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông A.

- Về con chung: Bà Trương Thị Thanh N và ông Lê A có 03 con chung: Lê Thị K, sinh ngày 13 tháng 3 năm 1995, Lê Ngọc T, sinh ngày 16 tháng 02 năm 1998 và Lê Ngọc H, sinh ngày 20 tháng 10 năm 2011. Các con chung Lê Thị K, Lê Ngọc T đã thành niên, bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà N yêu cầu được nuôi con chung chưa thành niên Lê Ngọc H và không yêu cầu ông Ân cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà Trương Thị Thanh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai ngày 14/02/2025, bị đơn ông Lê A trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà N tự nguyện tìm hiểu, chung sống vào năm 1994, đến năm 2002 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường CP và được Ủy ban nhân dân phường CP cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vợ chồng hạnh phúc một thời gian sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính tình, từ khoảng tháng 3 âm lịch năm 2023 vợ chồng xảy ra cãi vã, từ tháng 11 âm lịch năm 2024 đến nay ông và bà N mỗi người sống một nơi. Ông có khuyên giải, níu kéo để vợ chồng về chung sống lại với nhau nhưng bà N không đồng ý. Ông vẫn còn tình cảm với vợ, mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con tốt nên không đồng ý ly hôn với bà N.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung đúng như bà N trình bày. Các con chung Lê Thị K, Lê Ngọc T đã thành niên nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu H hiện nay sống với bà N. Mấy tháng nay ông không có công việc nên ông không có chu cấp tiền cho bà N nuôi con. Tạm thời ông đồng ý giao cháu H cho bà N nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố C:*

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng: Thẩm phán và Thư ký chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án hôn nhân gia đình về "Ly hôn" mà bị đơn có nơi cư trú tại thành phố C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố C.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Thanh N và ông Lê A tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau và được Ủy ban nhân dân phường CP, thành phố C cấp giấy chứng nhận kết hôn số 44 quyển số 01 ngày 04/7/2002 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Qua lời khai của nguyên đơn, bị đơn có

trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn không hạnh phúc, có nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không còn chung sống với nhau một thời gian, bất đồng quan điểm sống, nguyên đơn không còn tình cảm với bị đơn nên yêu cầu ly hôn với bị đơn. Như vậy, mục đích hôn nhân của nguyên đơn và bị đơn không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho ly hôn với bị đơn.

[2.2] Về con chung: Hai con chung Lê Thị K, sinh ngày 13 tháng 3 năm 1995 và Lê Ngọc T, sinh ngày 16 tháng 02 năm 1998 đã thành niên, bà N và ông A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Con chung Lê Ngọc H, sinh ngày 20 tháng 10 năm 2011 chưa thành niên, bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, ông A đồng ý. Xét: Việc giao con cho ai nuôi dưỡng, giáo dục sau khi bố mẹ ly hôn là nhằm phát triển tốt cho con cả về mặt thể chất lẫn tinh thần. Cháu H có nguyện vọng được sống với mẹ. Do đó, xuất phát từ lợi ích mọi mặt của con chung chưa thành niên, theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình, cần giao con chung chưa thành niên cho cho bà N nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà N không yêu cầu ông A cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí: Bà N phải nộp án phí Dân sự sơ thẩm 300.000 đồng về "Ly hôn".

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị Thanh N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Thanh N được ly hôn ông Lê A.

2. Về con chung:

2.1. Hai con chung Lê Thị K, sinh ngày 13 tháng 3 năm 1995 và Lê Ngọc T, sinh ngày 16 tháng 02 năm 1998 đã thành niên, bà Trương Thị Thanh N và ông Lê A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.2. Giao con chung Lê Ngọc H, sinh ngày 20 tháng 10 năm 2011 cho bà Trương Thị Thanh N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục sau khi ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Trương Thị Thanh N không yêu cầu ông Lê A cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp chăm sóc nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung: Bà Trương Thị Thanh N và ông Lê A không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về án phí: Bà Trương Thị Thanh N phải nộp án phí Dân sự sơ thẩm 300.000 đồng về "Ly hôn" nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005151 ngày 06/02/2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố C. Vậy, bà Trương Thị Thanh N đã nộp đủ án phí Dân sự sơ thẩm.

5. Bà Trương Thị Thanh N, ông Lê A có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND t.p C;
- CCTHADS t.p C;
- UBND phường CP, t.p C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Hồng Công